

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Bửu Huệ và bà Phạm Tú Nhi

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hoài Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Trần Trọng An – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Liêu Thị Như T, sinh năm 1990; thường trú: khu phố I, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: ông Ngô Hoàng C, sinh năm 1989; thường trú: số A đường G, tổ B, khu phố D, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2023, bản tự khai ngày 31/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Liêu Thị Như T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêu Thị Như T và ông Ngô Hoàng C tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 09/9/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông C thường xuyên uống

rượu bia, nhiều lần say xỉn và đánh đập, xúc phạm vợ con. Nguyên nhân mâu thuẫn là về tiền bạc và sinh hoạt chi tiêu trong gia đình. Hiện tại, bà T và ông C đang sống chung nhưng ít nói chuyện và không quan tâm nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông C, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T có đơn khởi kiện ly hôn ông C. Hiện tại, bà T đang là công nhân, thu nhập mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng, ông C đang là lao động tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà T và ông C có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Q, sinh ngày 02/01/2015 và Liêu Ngô Ngọc P, sinh ngày 31/5/2011. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Q, cháu P và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con chung, tổng cộng là 5.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Q và cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía bị đơn ông Ngô Hoàng C*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn ông Ngô Hoàng C có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Liêu Thị Như T nhưng ông Ngô Hoàng C không có ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà T và ông C* do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 03/7/2023, Hội Liên hiệp phụ nữ phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin như sau: bà Liêu Thị Như T không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, bà T không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội Liên hiệp phụ nữ phường T cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Liêu Thị Như T với ông Ngô Hoàng C, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh về mâu thuẫn giữa hai người, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Liêu Thị Như T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Ngô Hoàng C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 09/9/2016 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, ông C thường xuyên uống rượu bia, nhiều lần say xỉn và đánh đập, xúc phạm vợ con, ngoài ra còn mâu thuẫn về tiền bạc và sinh hoạt chi tiêu trong gia đình. Hiện tại, bà T và ông C đang sống chung nhưng ít nói chuyện và quan tâm nhau. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông C không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Liêu Thị Như T yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Hoàng C là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông C có 02 con chung tên Ngô Thị Ngọc Q, sinh ngày 02/01/2015 và Liêu Ngô Ngọc P, sinh ngày 31/5/2011. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy cháu Ngô Thị Ngọc Q, sinh ngày 02/01/2015 và Liêu Ngô Ngọc P, sinh ngày 31/5/2011 còn nhỏ từ từ trước đến nay sống chung cùng với mẹ. Căn cứ vào lời khai của các con mong muốn sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Quá trình tố tụng, ông C vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con chung. Vì vậy, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt của con chung và tránh làm xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu Q và cháu P nên cần giao cháu Q và cháu P cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Liêu Thị Như T yêu cầu ông Ngô Hoàng C cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Căn cứ lời khai của bà T thì thu nhập của bà T mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng, ông C đang là lao động tự do, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Tòa án có tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông C có ý kiến về yêu cầu của bà T nhưng ông C không có ý kiến gì. Do đó, cần buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.500.000 đồng để đảm bảo cho nhu cầu, sự phát triển của các cháu và cũng phù hợp với thu nhập của ông C và kinh tế tại địa phương.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T và ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 19 và các Điều: 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị Như T đối với ông Ngô Hoàng C về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Liêu Thị Như T được ly hôn ông Ngô Hoàng C (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 09/9/2016 Ủy ban nhân dân phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: ông Ngô Hoàng C giao 02 con chung cháu Ngô Thị Ngọc Q, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Liêu Ngô Ngọc P, sinh ngày 31/5/2011 cho bà Liêu Thị Như T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Ngô Hoàng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Ngô Thị Ngọc Q và cháu Liêu Ngô Ngọc P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Liêu Thị Như T có yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Hoàng C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông Ngô Hoàng C còn phải trả cho bà Liêu Thị Như T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Ngô Hoàng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Ngô Hoàng C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Liêu Thị Như T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Ngô Hoàng C. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Liêu Thị Như T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Liêu Thị Như T phải chịu 300.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0006541 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ông Ngô Hoàng C phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Liêu Thị Như T và ông Ngô Hoàng C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền